CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 1/2024

CTCP Thủy điện Nước trong

Ngày 31/03/2024	60,000 VNĐ		
Thay đổi	*1 tháng*	*3 tháng*	*6 tháng*
	8.1%	**12.7%**	**18.7%**

DT thuần
Q1/24
28.5
tỷ VNĐ
QoQ: ▼5.10| -15.3%
YoY: ▼6.30| -18.2%

LN thuần
Q1/24
15.5
tỷ VNĐ
QoQ: ▼1.40| -8.2%
YoY: ▼4.60| -22.8%

LN sau thuế
Q1/24
14.7
tỷ VNĐ
QoQ: ▼1.40| -8.6%
YoY: ▼4.30| -22.5%

Tỷ suất lãi EBIT
Q1/24
56.4%
YoY: +/-▲ 3.6%

ROE (TTM)
Q1/24
27.7%
YoY: +/-▼ 3.4%

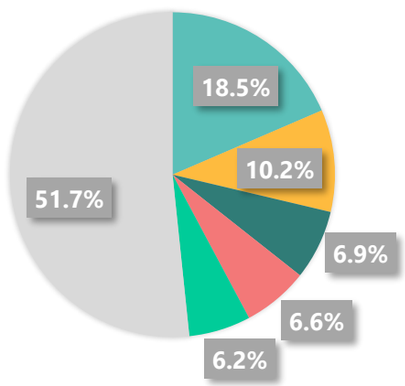
Sàn giao dịch	HNX
Khoảng giá 52 tuần	45,680 - 60,000
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	648
Số lượng CPLH (CP)	10,802,053
KLGD BQ 20 phiên (CP)	1,275
Sở hữu nước ngoài	0.1%
Beta	0.06
EPS	4,708
P/E	12.7

DT thuần
2023
116
tỷ VNĐ
YoY: ▼18.0| -13.8%

LN thuần
2023
58.1
tỷ VNĐ
YoY: ▼14.6| -20.1%

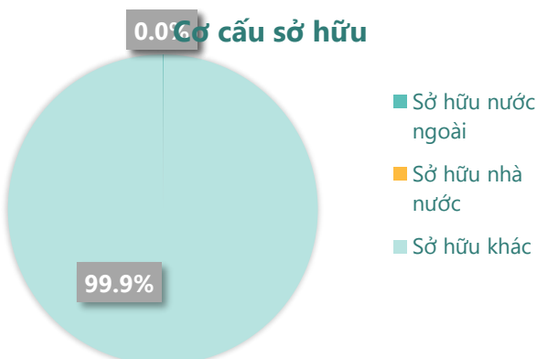
LN sau thuế
2023
55.2
tỷ VNĐ
YoY: ▼13.9| -20.1%

Cơ cấu cổ đông



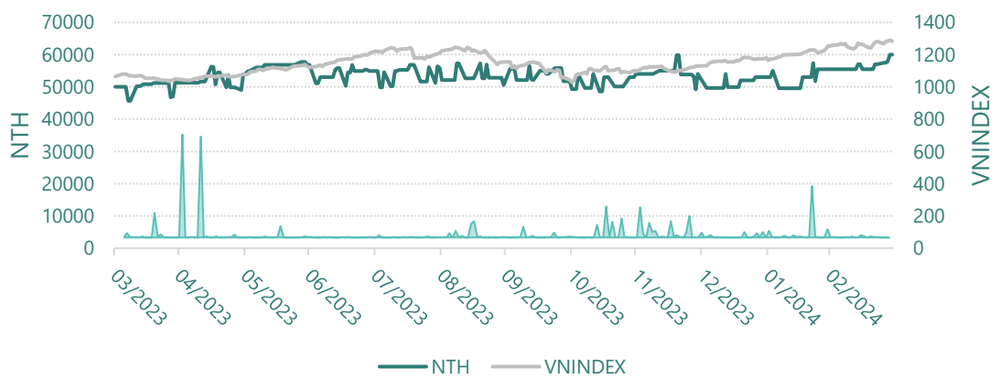
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu sở hữu



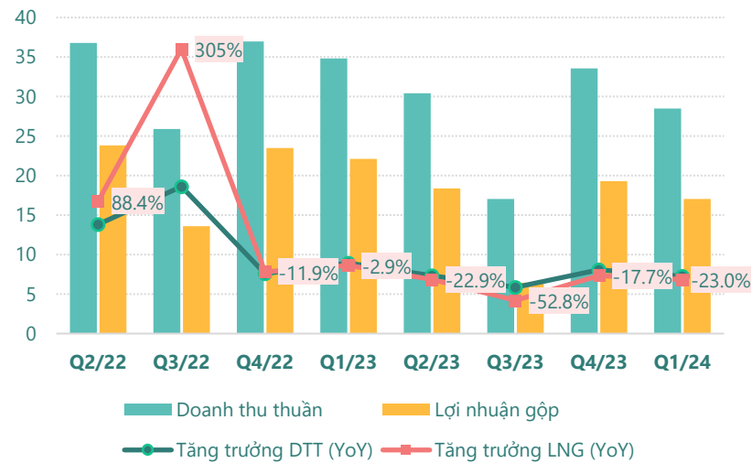
(Nguồn: fireant.vn)

Lịch sử giá



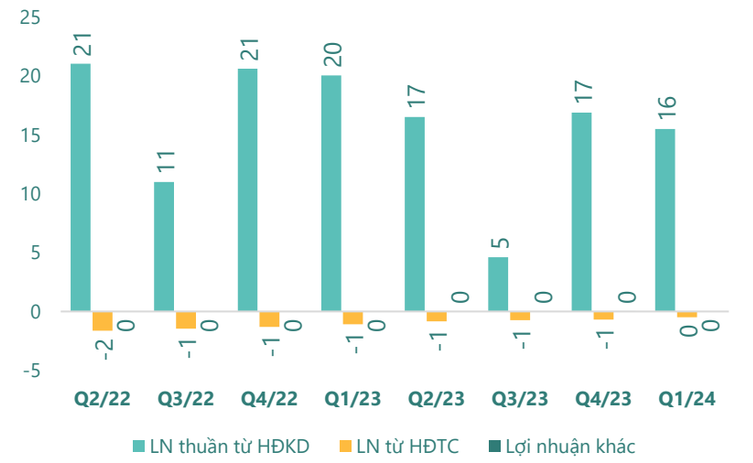
KẾT QUẢ KINH DOANH

Doanh thu thuần, Lợi nhuận gộp



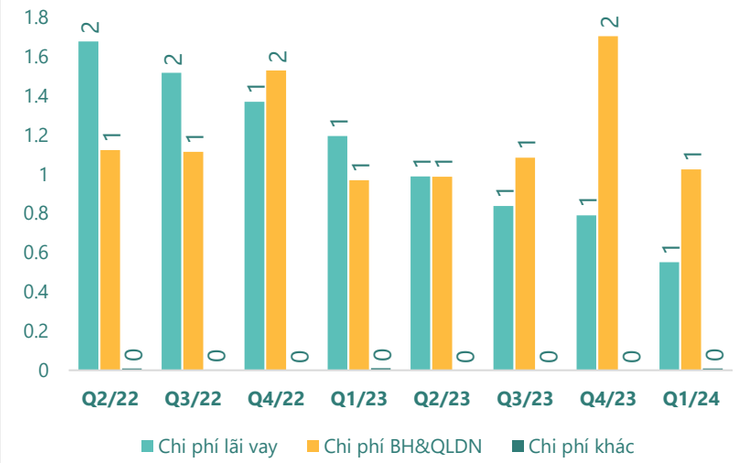
(Nguồn: fireant.vn)

Lợi nhuận



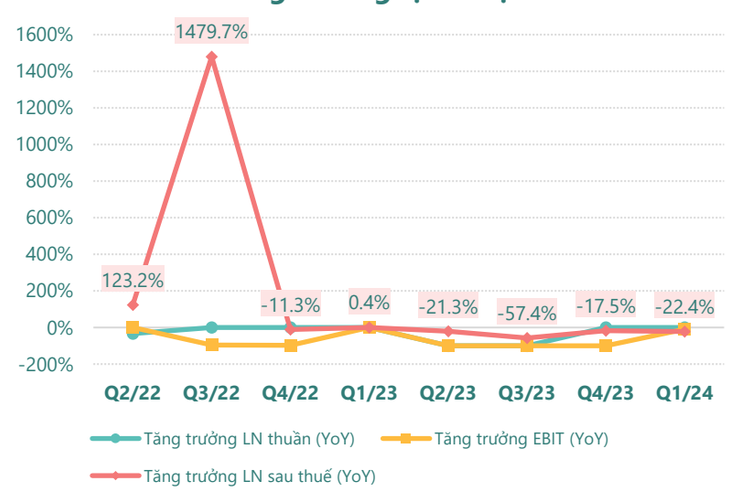
(Nguồn: fireant.vn)

Chi phí



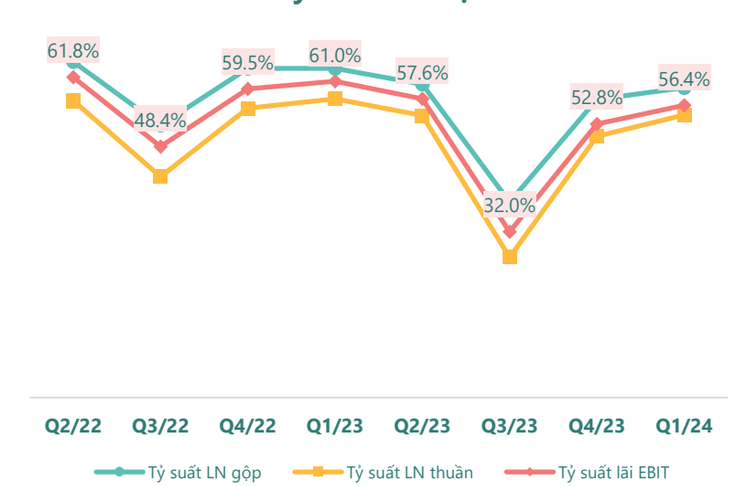
(Nguồn: fireant.vn)

Tăng trưởng lợi nhuận



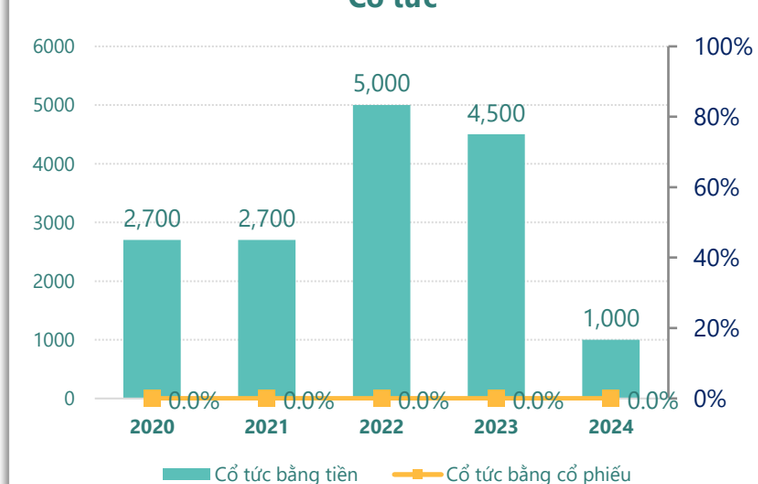
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất sinh lợi



(Nguồn: fireant.vn)

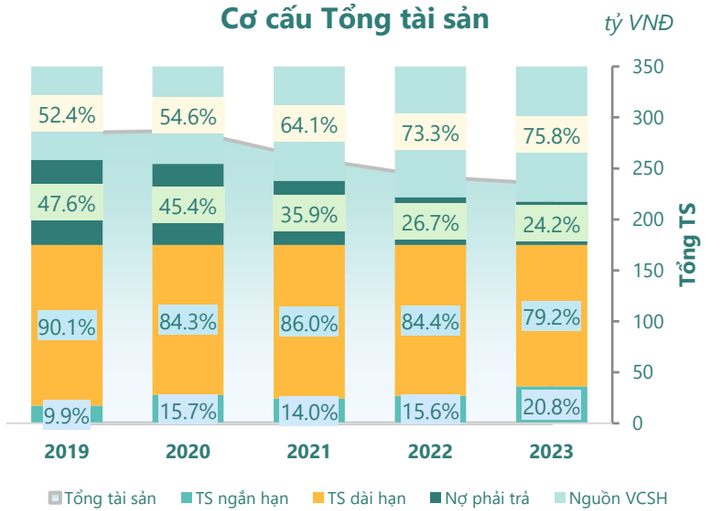
Cổ tức



(Nguồn: fireant.vn)

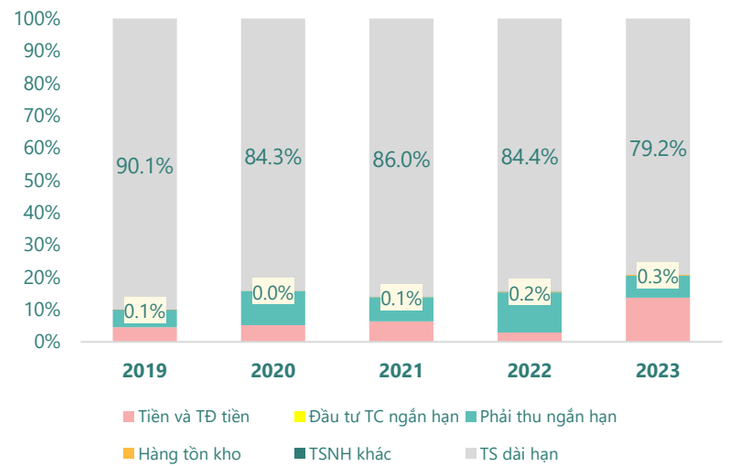
TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

Cơ cấu Tổng tài sản



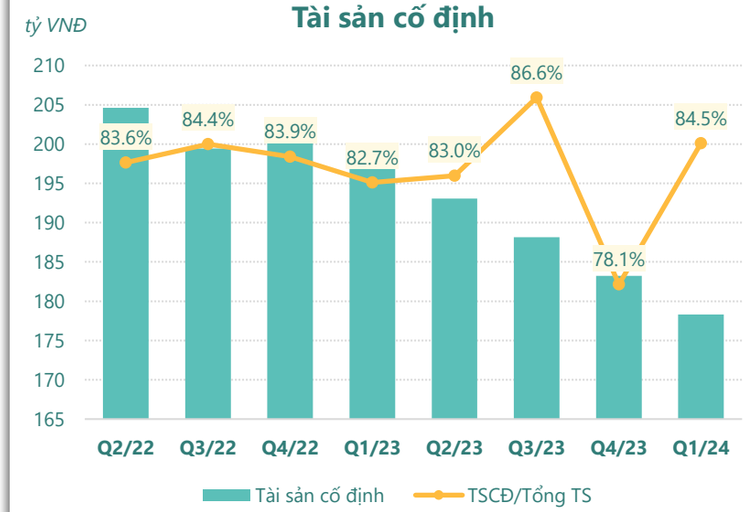
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS



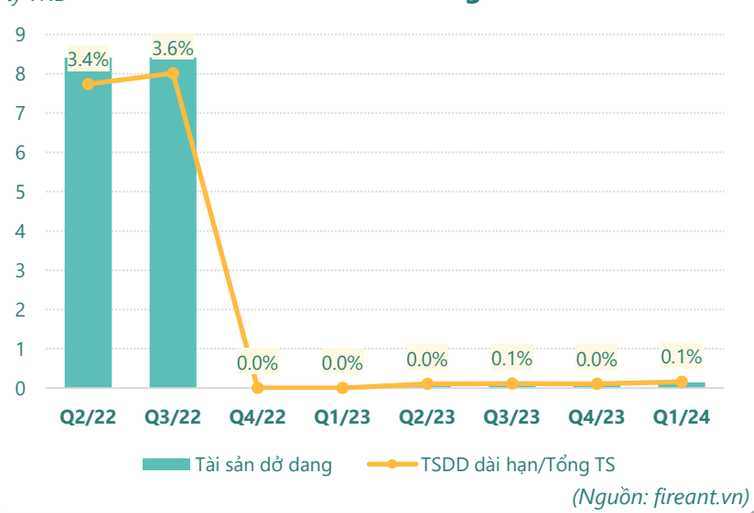
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



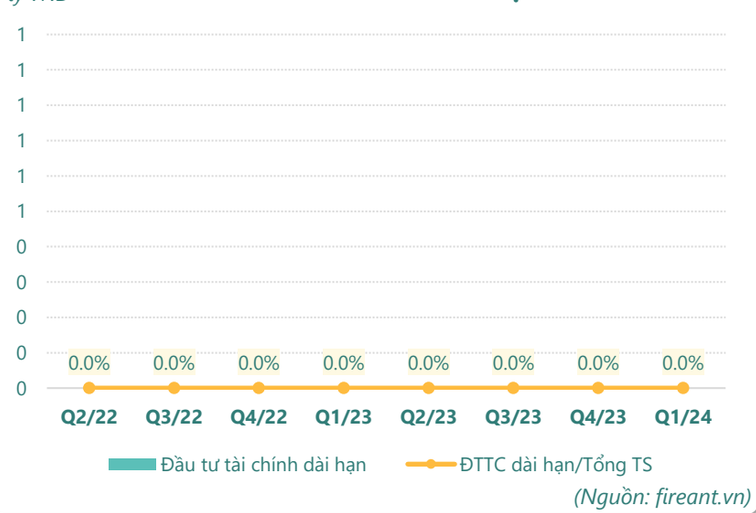
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



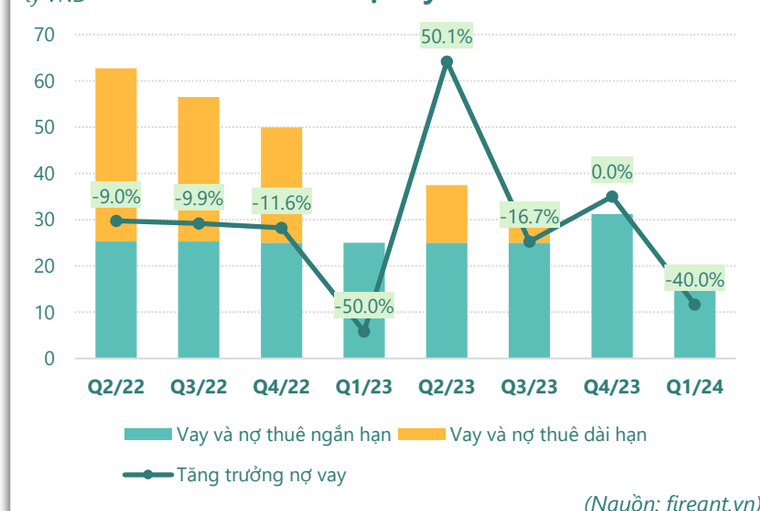
(Nguồn: fireant.vn)

Đầu tư tài chính dài hạn



(Nguồn: fireant.vn)

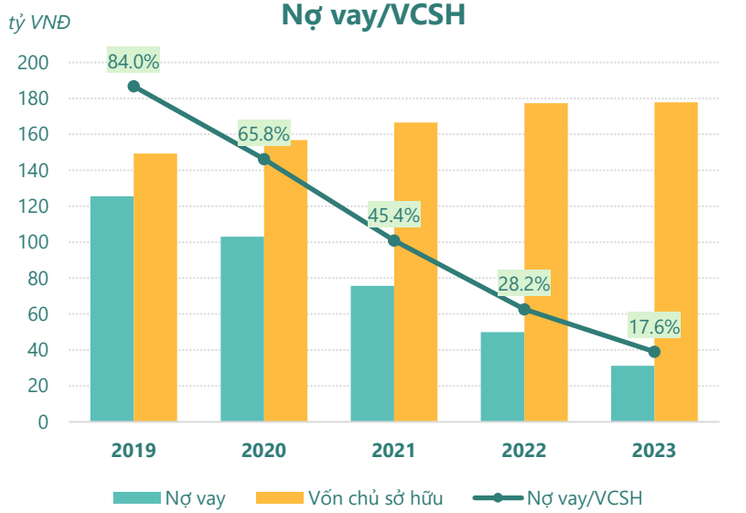
Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

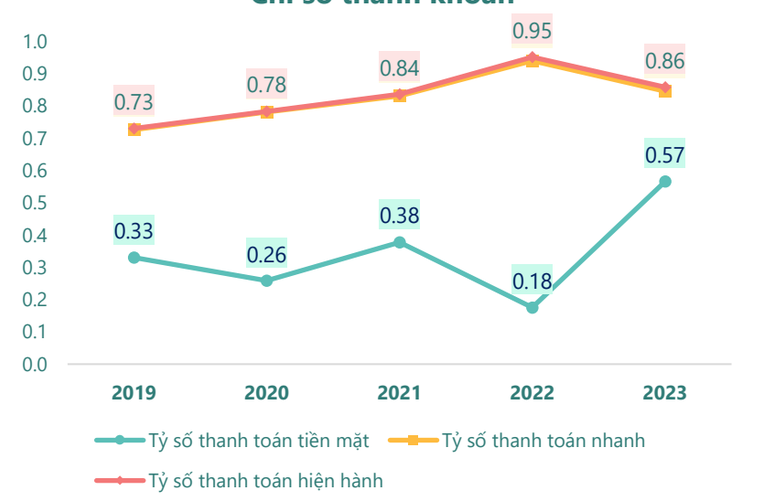
HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG

Nợ vay/VCSH



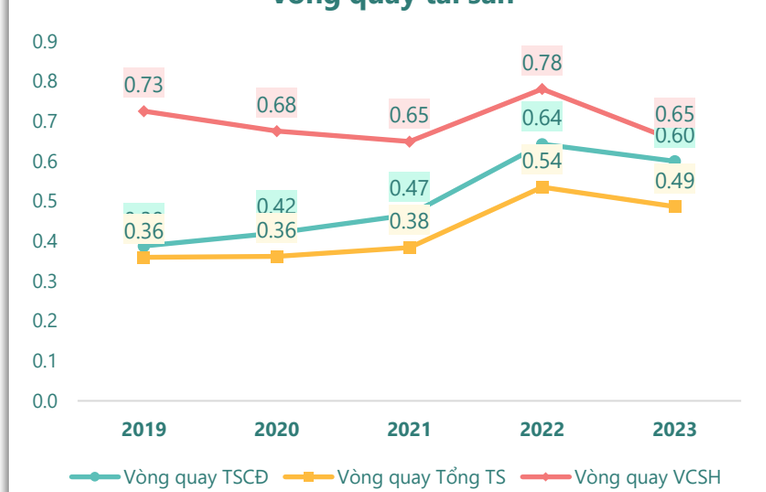
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



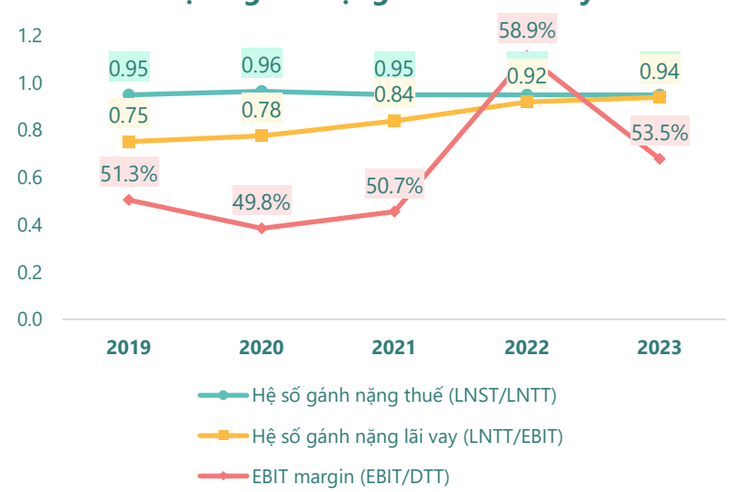
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



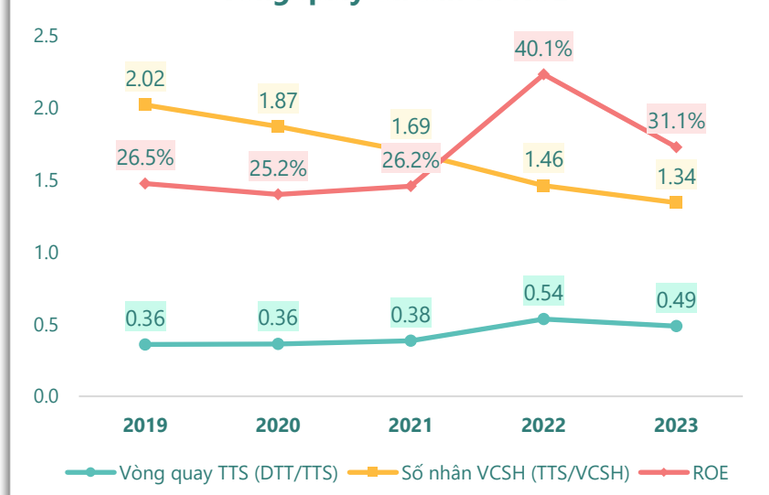
(Nguồn: fireant.vn)

Hệ số gánh nặng thuế và lãi vay



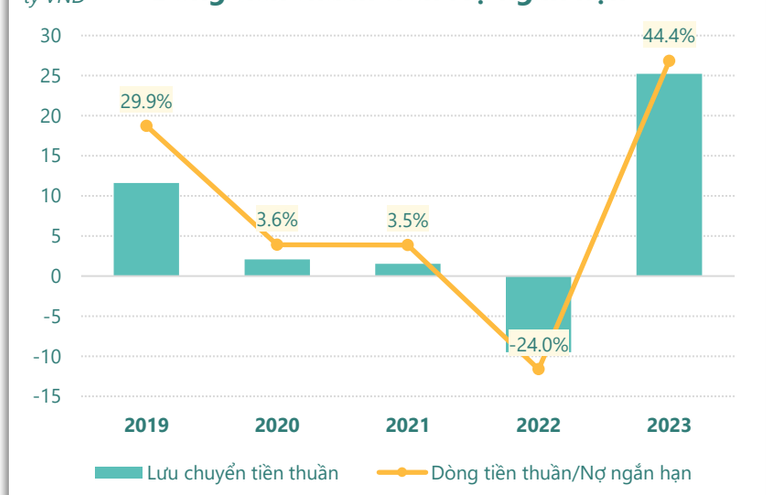
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản và ROE



(Nguồn: fireant.vn)

Dòng tiền thuần trên Nợ ngắn hạn



(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q1/24	Q1/23	Thay đổi YoY	2023	2022	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	**28.5**	**34.8**	**-18.2%**	**116**	**134**	**-13.8%**
Giá vốn hàng bán	11.5	12.7	-9.8%	49.6	50.6	-2.0%
Lợi nhuận gộp	17.0	22.1	-23.0%	66.2	83.7	-20.9%
Doanh thu HĐTC	0.07	0.12	-42.4%	0.47	0.16	197%
Chi phí TC	0.55	1.19	-53.7%	3.81	6.40	-40.4%
Chi phí lãi vay	0.55	1.19	-53.7%	3.81	6.40	-40.4%
LN trong công ty LKLD	**0**	**0.00**		**0**	**0**	
Chi phí bán hàng	0	0.00		0	0	
Chi phí QLDN	**1.02**	**0.97**	**5.6%**	**4.75**	**4.70**	**1.0%**
LN thuần từ HĐKD	15.5	20.1	-22.8%	58.1	72.7	-20.1%
Lợi nhuận khác	**-0.01**	**-0.01**	**9.8%**	**-0.01**	**-0.01**	**40.7%**
LN trước thuế	15.5	20.1	-22.9%	58.1	72.7	-20.1%
Lợi nhuận sau thuế	**14.7**	**19.0**	**-22.5%**	**55.2**	**69.1**	**-20.1%**
LNST của CĐ cty mẹ	**14.7**	**19.0**	**-22.5%**	**55.2**	**69.1**	**-20.1%**

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ (tỷ VNĐ)	Q4/22	Q1/23	Q2/23	Q3/23	Q4/23	Q1/24
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	14.2	24.8	20.4	19.4	14.9	-5.97
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	3.07	0.12	0.04	0.17	0.11	0.07
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-17.3	-16.5	-22.9	-15.3	0	-15.0
Tiền đầu kỳ	1.02	6.94	15.4	12.9	17.1	32.2
Lưu chuyển tiền thuần	**-0.08**	**8.47**	**-2.52**	**4.24**	**15.0**	**-20.9**
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	0.94	15.4	12.9	17.1	32.2	11.3

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 31/3/2024	Tại ngày 31/12/2023	Thay đổi
Tổng tài sản	**211**	**235**	**-10.0%**
Tài sản ngắn hạn	30.3	48.7	-37.8%
Tiền và tương đương tiền	11.3	32.2	-64.9%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0	0	
Phải thu ngắn hạn	18.1	15.8	14.4%
Hàng tồn kho	0.90	0.72	26.1%
Tài sản ngắn hạn khác	0.04	0.04	-4.7%
Tài sản dài hạn	**181**	**186**	**-2.8%**
Phải thu dài hạn	0	0	
Tài sản cố định	178	183	-2.7%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	0.15	0.11	33.3%
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	
Tài sản dài hạn khác	**2.28**	**2.54**	**-10.2%**
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	29.3	56.8	-48.3%
Nợ ngắn hạn	**29.3**	**56.8**	**-48.3%**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	18.7	31.2	-40.0%
Phải trả người bán ngắn hạn	1.95	1.81	8.0%
Nợ dài hạn	0	0	
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	
Nguồn vốn chủ sở hữu	**182**	**178**	**2.2%**
Vốn chủ sở hữu	**182**	**178**	**2.2%**
Vốn điều lệ	108	108	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	**0**	**0**	

(Nguồn: fireant.vn)